



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ *Bureau of Accreditation*  
**HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM**  
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: (+84 24) 37911555; Email: [vpcongnhan@boa.gov.vn](mailto:vpcongnhan@boa.gov.vn); [Http://www.boa.gov.vn](http://www.boa.gov.vn)

---

**QUY ĐỊNH RIÊNG**  
**CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC CON NGƯỜI**  
*SPECIFIC REQUIREMENTS FOR ACCREDITATION OF*  
*CB OPERATING CERTIFICATION OF PERSONS (PER)*

**Mã số/ Code: ARC.06**

**Lần ban hành/ Issue number: 4.24**

**Ngày ban hành/ Issue date: 05/01/2024**

## 1. Mục đích

Tài liệu này nêu yêu cầu cụ thể cho việc công nhận tổ chức chứng nhận năng lực con người.

## 2. Yêu cầu về khách hàng của tổ chức chứng nhận

Tổ chức chứng nhận (TCCN) phải hoàn thành quá trình chứng nhận cho ít nhất 01 khách hàng.

## 3. Yêu cầu về năng lực kiểm tra viên của TCCN

Kiểm tra viên phải có trình độ đại học trở lên.

## 4. Chuẩn mực đánh giá công nhận

## 1. Purpose

This document sets up the specific requirements for accreditation of bodies operating certification of person.

## 2. Requirements regarding clients of certification body

The certification body (CB) shall complete the certification process for at least 01 client.

## 3. Requirements regarding competence of CB's examiners

Examiners shall be at least university graduate.

## 4. Assessment criteria

### Chuẩn mực công nhận/ *Accreditation criteria*

ISO/IEC 17024

Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu chung đối với tổ chức chứng nhận năng lực con người/ *Conformity assessment – General Requirements for bodies operating certification of persons.*

IAF MD 4

Áp dụng kỹ thuật ICT trong đánh giá/ *The use of ICT in auditing.*

## 5. Yêu cầu về chứng kiến

Trong đánh giá công nhận lần đầu: Phải chứng kiến ít nhất 1 cuộc cho mỗi chương trình chứng nhận đăng ký công nhận.

Trong một chu kỳ công nhận (từ khi được công nhận đến khi hết hiệu lực) phải chứng kiến ít nhất 01 cuộc cho mỗi chương trình chứng nhận được công nhận.

Trong đánh giá công nhận mở rộng: Để mở rộng phạm vi công nhận một tiêu chuẩn trong cùng 1 chương trình chứng nhận thì không yêu cầu phải chứng kiến. Yêu cầu phải chứng kiến đối với trường hợp mở rộng công nhận việc chứng nhận một chương trình chứng nhận mới.

Các cuộc đánh giá chứng kiến cần bố trí:

- Các kiểm tra viên khác nhau.

## 6. Xác định thời lượng đánh giá công nhận

## 5. Requirements for witnessing

In initial assessment: At least 1 witness shall be conducted for each certification program registered.

In the accreditation cycle (from accreditation granted until accreditation expired), each accredited certification program shall be witness at least one time.

In extension assessment. Extension for a new standard in the same certification program, witnessing is not mandatory. Witnessing is mandatory for extension assessment of a new certification program.

It necessary to witness:

- The performance of different examiner.

## 6. Determination of assessment duration

Hoạt động đánh giá/ <i>Assessment activities</i>	Thời lượng/ <i>Duration</i>
Xem xét tài liệu (đối với công nhận lần đầu, chuyển đổi tiêu chuẩn)/ <i>Document review (applicable for initial assessment, transition to new assessment standard)</i>	1 MD
Đánh giá tại văn phòng/ <i>Office assessment:</i>	
• Đối với đánh giá công nhận lần đầu/ <i>Initial assessment</i>	3 MD
• Đối với đánh giá giám sát/ <i>Surveillance assessment</i>	1 MD

Hoạt động đánh giá/ <i>Assessment activities</i>	Thời lượng/ <i>Duration</i>
• Đối với đánh giá công nhận lại/ <i>Reaccreditation assessment</i>	2 MD
• Đối với đánh giá mở rộng/ <i>Extension assessment</i>	1 MD
• Đối với đánh giá tại các địa điểm khác ngoài trụ sở chính của TCCN (nếu có)/ <i>Assessment at sites of CB other than the main site (if any)</i>	1 MD mỗi địa điểm/ <i>each site</i>
• Giảm thời lượng đánh giá trong các trường hợp đánh giá kết hợp các hệ thống (giảm không quá)/ <i>Reduction of assessment duration in case of integrated assessment (reduction shall not exceed)</i>	30% tổng thời lượng đánh giá <i>30% of total assessment time</i>
Đánh giá chứng kiến/ <i>Witnessing assessment</i>	Theo thời lượng cuộc đánh giá được chứng kiến <i>According to the duration of the audit witnessed</i>
Thẩm xét hồ sơ trong đánh giá công nhận lần đầu/ <i>Reviewing of initial assessment records</i>	1 MD
Thẩm xét hồ sơ khác/ <i>Reviewing of other assessment records</i>	0.5 MD

Ghi chú/ *Note*: MD (Manday) – ngày công đánh giá

## 7. Phạm vi công nhận

BoA cấp công nhận cho các tổ chức chứng nhận bao gồm nhưng không giới hạn theo các phạm vi dưới đây:

## 7. Scopes of accreditation

BoA grants accreditation for CBs including but not limited to the following scopes:

Stt <i>No</i>	Phạm vi chứng nhận <i>Certification scope</i>
1	Chứng nhận thợ hàn <i>Welder certification</i>
2	Chứng nhận chuyên gia đánh giá <i>Auditor certification</i>
3	Chứng nhận thợ kiểm tra không phá hủy <i>Non-Destructive Tester certification</i>